Name:.....
Date: .../ .../ 20...
Class: S9
Tel: 034 200 9294

Vocabulary: .....
Writing: .....
Listening: .....
Mini Test: .....

FRIENDSHIP
VOCABULARY & WRITING INSTRUCTION

A. VOCABULARY

*__Lưu ý__: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**relative** (a)	có liên quan đến, có quan hệ với	12	**conflict** (n)	sự xung đột, cuộc xung đột
2	**acquaintance** (n)	người quen	13	**confine** (v)	giam giữ, giam cầm
3	**get on well with somebody** (phr.v)	có mối quan hệ tốt với ai	14	**anniversary** (n)	ngày kỷ niệm, lễ kỷ niệm
4	**grow apart** (phr.v)	dần trở nên xa cách	15	**respect** (n/v)	tôn trọng, kính trọng
5	**be / keep in touch with somebody** (phr.v)	giữ liên lạc với ai	16	**supportive** (a)	khuyến khích
6	**have something in common** (phr.v)	có chung lợi ích, đặc điểm	17	**trust** (n/v)	tín nhiệm, tin tưởng
7	**fall out with somebody** (phr.v)	tranh cãi, có quan hệ xấu với ai	18	**colleague** (n)	đồng nghiệp
8	**reunion** (n)	sự hòa giải, sự sum họp	19	**soulmate** (n)	bạn tâm giao, tri kỷ
9	**nurture** (n/v)	nuôi nấng, nuôi dưỡng	20	**partner** (n)	cộng sự
10	**companion** (n)	bạn, bầu bạn	21	**make friends** (phr.v)	trở thành bạn với
11	**companionship** (n)	tình bạn			

* **Note:** n = noun: danh từ; a = adjective: tính từ;
v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

B. REVISION

I. Choose the correct answer.

0. He _____ her while she was speaking.

A. interrupted *B. ironed* *C. banned*

1. While he might be _____ for national leadership, yet he was a potential trouble-maker.

A. grew apart B. confined C. nurtured

2. He left home after _____ with his parents.

A. making friends B. getting on well C. falling out

LIVEWORKSHEETS

3. We are planning a dinner to celebrate the 50th _____ of the founding of the company.

A. anniversary B. reunion C. acquaintance

4. We're having a small drinks party for one of our _____ who's leaving next week.

A. companionships B. colleagues C. conflicts

5. Are you still in touch _____ any of your old school friends?

A. with B. for C. without

II. Guess the correct words using the definitions given.

0. a powerful fire that burns out of control across a large area → ***wildfire***

1. to communicate or continue to communicate with someone by using a phone or writing to them → _____

2. to stop having a close relationship with somebody over a period of time → _____

3. someone you have a very close relationship with because you share or understand the same emotions and interests → _____

4. when you are with someone you enjoy being with, and are not alone → _____

5. to argue with someone and stop being friendly with them → _____

C. IELTS PRACTICE

Topic: A friendship story

Write a short paragraph **(120-150 words)** about how you met your best friend, what you do together, and how your friendship grows over time.

LIVEWORKSHEETS

Các con mở link nghe sau bằng máy tính:

Track 3 Track 4 Track 5

Listen to the conversation between a customer and a travel agent. Match the hotels to the facilities they offer. Write a–d next to questions 1–4.

1	Hotel Sunshine ____	a	fitness facilities
2	The Highland Hotel ____	b	business facilities
3	Hotel Carminia ____	c	training courses for water sports
4	The Royal ____	d	entertainment facilities

9 04 CD1

Listen and choose the correct answer.

1 Why can't John go on the boat trip?

a He doesn't feel well.
b He has booked theatre tickets.
c He's scared of the water.

10 05 CD1

Listen and answer the questions about John and Sam's holiday.

1 Where does Sam recommend going for dinner?

a Joe's Café
b The Captain's Table
c Mangan's

2 Who is going to reserve the table?

a John
b Sam
c The hotel receptionist

LIVEWORKSHEETS

I. Choose the correct answer.

1. *Jupiter* is the biggest planet in our solar system, but not the biggest planet in the _____.

A. Galaxy B. Ozone layer C. Asteroid

2. The satellite slowly _____ as it circles the Earth.

A. launches B. orbits C. rotates

3. The space _____ we see as a place where men can live and work in orbit for indefinite periods.

A. telescope B. station C. voyage

4. They would be objects of outstanding size, a new family of giant _____ or small planets, in a remote part of the solar system.

A. comets B. telescopes C. constellations

II. Put these sentences into the PASSIVE VOICE.

1. Kathy has returned the book to the library.

→_____

2. Has anyone ever asked you for your opinion?

→_____

3. They have sent that money to the poor families.

→_____

4. Has he spelt this word wrongly?

→_____

*__Lưu ý:__ *Với những từ con không nhớ và viết sai, con viết từ đó vào vở 2 dòng.*

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS